

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Địa chỉ: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, TT. Nhà Bè, H. Nhà Bè, Tp. HCM

Mã số thuế: 0301434177

Điện thoại: (028) 3782 7509

**BÁO CÁO
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
NĂM 2023**

Tháng 3 năm 2024

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Mẫu 02.A

Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB ĐẾN 31/12/2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2023			Giải ngân đến 31/12/2023			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2023	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/23	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Dự án nhóm B																		
1	Dự án khu nhà ở tại xã Nhơn Đức	157/QĐ-SXD -PTN	364,878	182,439	50%	182,439	50%		0	0	0	255,527	956	256,483	255,527	956	256,483	
Dự án nhóm C																		
2	Dự án khu tái định cư 0,5ha tại xã Phú Xuân	101/QĐ-UBND	19,270	19,270	100%	0	0		0	0	0	9,177	19	9,196	9,177	19	9,196	
3	Dự án Nghĩa trang nhân dân 1,56ha mở rộng	1730/UBND -QLĐT	15,701	15,701	100%	0	0		0	0	0	5,163	0	5,163	5,163	0	5,163	
4																		
Tổng cộng			399,849	217,410		182,439		-	0	0		269,867	975	270,842	269,867	956	270,842	0

Người lập biểu

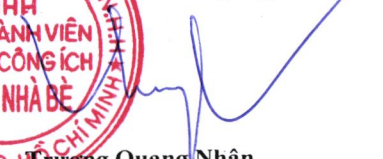


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Giám đốc doanh nghiệp




Trương Quang Nhân

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

Mẫu 02.B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ĐẾN 30/12/2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của DN, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn CSH của Cty con, Cty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/vốn CSH công ty con, công ty liên kết
		Giá trị góp vốn			Tỉ lệ vốn góp (%)					Kỳ/ năm trước	Kỳ/ năm báo cáo	Kỳ/ năm trước	Kỳ/ năm báo cáo				
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2023	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2023										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con	Không có															
II	Công ty liên kết	Không có															
III	Đầu tư tài chính	Không có															

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024
Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: tr đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	155,237	160,672		149,509	96.31%	93.05%	
B.Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	87,113	95,814	92,526	91,311	104.82%	95.30%	98.69%
2. Giá vốn hàng bán	75,947	83,206		79,534	104.72%	95.59%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,166	12,608		11,777	105.47%	93.41%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	863	1,346		1,607	186.21%	119.39%	
5. Chi phí tài chính	-	-		13			
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,173	9,235	10,000	9,256	113.25%	100.23%	92.56%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,856	4,719		4,115	106.72%	87.20%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
9. Thu nhập khác	416	15		1,384	332.69%	9226.67%	
10. Chi phí khác	74	258		474	640.54%	183.72%	
11. Lợi nhuận khác	342	(243)		910	266.08%		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,198	4,476	4,790	5,025	119.70%	112.27%	104.91%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	674	973	958	879	130.42%	90.34%	91.75%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	3,524	3,503	3,832	4,146	117.65%	118.36%	108.19%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

Mẫu 02D

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐẾN 31/12/2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm ?				
	- Thu gom rác đường phố (m ²)	174,611,676	188,665,091	108.05%	122.55%
	- Vệ sinh thùng rác công cộng (thùng)	36,400	39,600	108.79%	108.79%
	- Vệ sinh điểm hẹn (lần)	5,792	6,288	108.56%	118.78%
	- Vận chuyển rác (tấn)	2,299,602	2,448,797	106.49%	104.09%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)				
	+ Măng xanh (ha)	43.6000	43.6000	100.00%	1968.40%
	+ Chăm sóc cây xanh (cây/lần)	1,853	1,853	100.00%	38.59%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md/năm)	39,954	39,612	99.14%	126.19%
	- Nạo vét cống (m3)	747	747	100.00%	42%
	- Duy tu giao thông	24	24	100.00%	61.54%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu ?				
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của DN không đạt yêu cầu ?				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (trđ)	58,334	13,314	22.82%	
	- Thu gom - vận chuyển rác đường phố (m2)	20,895	23,193	111.00%	112.48%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)	3,812	3,854	101.11%	103.49%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)	8,249	8,397	101.80%	101.81%
	- Duy tu giao thông	15,996	15,048	94.07%	94.07%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (ĐVT: trđ)	70,980	11,528	16.24%	
	- Thu gom - vận chuyển rác đường phố (m2)	32,146	35,292	109.79%	118.36%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)	4,143	4,680	112.96%	115.58%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)	9,165	9,331	101.81%	101.81%
	- Duy tu giao thông	16,839	15,513	92.13%	92.13%

Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Giám đốc doanh nghiệp


Trương Quang Nhân

Mẫu 02Đ

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ ĐẾN 31/12/2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT : tr đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	5,897	1,243		7,140
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	4,591	2,694	1,361	5,924
3. Quỹ thưởng VCQLDN	464	208	137	535
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-	-		-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Thuyết minh:

- Quỹ đầu tư phát triển: trong năm 2023 tăng 1.243 triệu đồng do doanh nghiệp trích 30% quỹ từ lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: trong năm 2023:
 - + Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi 2.694 triệu đồng do doanh nghiệp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế.
 - + Giảm quỹ khen thưởng phúc lợi là: 1.498 triệu đồng trong đó chi khen thưởng cán bộ công nhân viên năm 2022 là 414 triệu và chi phúc lợi là 947 triệu đồng.
- Quỹ thưởng ban điều hành: trong năm 2023 như sau
 - + Tăng quỹ khen thưởng là 208 triệu đồng do doanh nghiệp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế.
 - + Giảm quỹ khen thưởng là 137 triệu đồng do doanh nghiệp chi quỹ thưởng ban điều hành năm 2021, 2022.

Người lập biểu

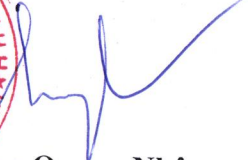


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Giám đốc doanh nghiệp




Trương Quang Nhân

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN 31/12/2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	(1,897,228,208)	17,200,233,908	11,871,461,926	3,431,543,774
- Thuế GTGT	1,331,591,358	7,827,957,696	7,346,646,175	1,812,902,879
- Thuế TNDN Công ty	498,412,547	879,233,504	1,098,477,922	279,168,129
- Thuế TNDN Dự án	(1,768,671,327)		82,896,744	(1,851,568,071)
- Thuế xuất, nhập khẩu				-
- Thuế Đất	(1,443,339,095)	4,075,555,248	2,632,216,153	-
- Các khoản thuế khác	(515,221,691)	4,417,487,460	711,224,932	3,191,040,837
+ Thuế môn bài		3,000,000	3,000,000	-
+ Thuế TNCN	(542,437,804)	179,886,525	250,240,454	(612,791,733)
+ Thuế khác	27,216,113	4,234,600,935	457,984,478	3,803,832,570
2. Các khoản phải nộp khác	(41,014,558)	33,989,885	33,989,885	(41,014,558)
- Phí, lệ phí				-
- Các khoản phải nộp khác	(41,014,558)	33,989,885	33,989,885	(41,014,558)
3. Nộp ngân sách Nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.	413,592,548		413,592,548	-
Tổng cộng	(1,524,650,218)	17,234,223,793	12,319,044,359	3,390,529,216

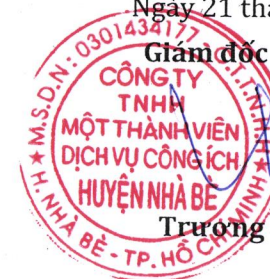
Người lập biểu

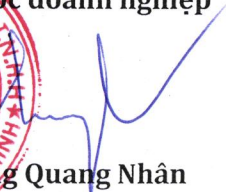


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Giám đốc doanh nghiệp




Trương Quang Nhân

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP ĐẾN 31/12/2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Loại hình DN: **Hoạt động Công ích - Xây dựng, duy tu**

Chi tiêu 1 (tr.đồng)			Chi tiêu 2							Chi tiêu 3				Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN	
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế(triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)				Xếp loại
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/NNH (lần)					
92,526	94,302	A	3,832	4,146	19,641	19,666	19.51	21.08	A	175,702	102,847	1.71	-	A	B	A	A

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Yến Duyên

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ĐẾN 31/12/2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

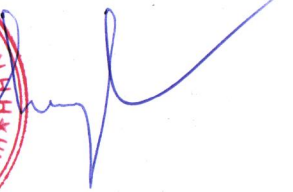
TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người QLDN	Xếp loại hoạt động Người QLDN
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ	19.51	21.08	108.06			

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP


Nguyễn Thị Yến Duyên



Trương Quang Nhân

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**
Giấy ĐKKD số: 0301434177 ngày 11 tháng 8 năm 2010
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, Thị Trấn Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT ĐẾN 31/12/2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Nội dung	Có	Không
1. Trong năm, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không ?	X	
3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	X	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?	X	

Thuyết minh chỉ tiêu 4: Doanh nghiệp luôn tuân thủ và thực hiện tốt trong việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật chủ trương của nhà nước. Trong năm không có trường hợp vi phạm nào xảy ra và bị lập biên bản vi phạm đối với doanh nghiệp.

Lập biểu



Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Trương Quang Nhân